

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:46/2019/HS-ST
Ngày 28-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng M.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Nguyễn Thị Ngung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Chí Trung - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **47/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: **46/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019**, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành V (tên gọi khác: T), sinh ngày 12-9-1992 tại huyện B, tỉnh Tây Ninh. nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thông T sinh năm:1995, con: Có 01 người sinh năm 2017; tiền sự: không có. Tiền án: Ngày 10 tháng 5 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; nhân thân: có tiền án (như đã nêu) chưa được xóa; bị bắt, tạm giữ từ ngày 07-6-2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Nguyễn Xuân M, sinh ngày 04-01-2012. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1994 và ông Trương Văn H, sinh năm: 1990 là cha, mẹ cháu M, cùng ngụ địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn H, sinh năm: 1990 (tên gọi khác: N); địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Phạm Văn V, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành V sống cùng với em ruột là Nguyễn Thị Xuân T và em rể là Trương Văn H tại khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Sáng ngày 05/6/2019, chị T và ông H đi vắng, có dặn cháu Nguyễn Xuân M, sinh ngày 04/01/2012 là con của chị T, ông H trông nhà và xe mô tô biển số 70K1- 069.21. Đến khoảng 8 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ngủ dậy V phát hiện chỉ có cháu M ở nhà nên đẩy xe mô tô biển số 70K1 - 069.21 ra khỏi nhà. Lúc này, cháu M có nói V không được lấy xe nhưng V vẫn rút dây bình rồi điều khiển xe đi, do cháu M còn nhỏ nên không có điều kiện ngăn cản V được. Lấy được xe V điều khiển sang Campuchia, cầm cố với giá 3.000.000 đồng, đánh bạc thua hết. Đến 11 giờ cùng ngày, V đón xe ôm về Việt Nam đến tiệm cầm đồ T do ông Phạm Văn V làm chủ nhờ ông V sang Campuchia chuộc xe mô tô biển số 70K1 - 069.21 về Việt Nam với giá 3.300.000 đồng. Sau đó, ông V đưa thêm cho V số tiền 2.000.000 đồng và V để xe mô tô biển số 70K1 - 069.21 tại tiệm cầm đồ T. V sử dụng số tiền này sang Campuchia đánh bạc thua hết. Ngày 07/6/2019, ông H làm đơn trình báo Công an yêu cầu giải quyết. Tại cơ quan điều tra V thừa nhận toàn bộ sự việc phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG, ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh kết luận: Vào thời điểm ngày 09/6/2019 xe mô tô biển số 70K1 - 069.21 có giá trị 6.000.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số: 70K1 - 069.21 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trương Văn H.

Về bồi thường thiệt hại: Ông Trương Văn H đã nhận lại xe mô tô biển số: 70K1 -069.21, ông H không yêu cầu bồi thường thêm. Ông Phạm Văn V yêu cầu V bồi thường số tiền 5.300.000 đồng, V chưa bồi thường.

Nguyễn Thành V không có tài sản, nên Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh không kê biên tài sản.

Đối với hành vi cầm cố xe mô tô biển số 70K1- 069.21 của ông Phạm Văn V, do không biết xe do V phạm tội mà có nên không xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, vật chứng bị thu giữ, như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số: 50/QĐ-KSDT ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố Nguyễn Thành V về tội: “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành V phạm tội: “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”: Áp dụng Khoản 1 Điều 172; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và tình tiết đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xử phạt Nguyễn Thành V từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; đồng thời **buộc bị cáo bồi thường cho** ông V theo quy định pháp luật.

Bị cáo V thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, bào chữa; bị cáo V chấp nhận bồi thường theo yêu cầu ông V.

Người đại diện hợp pháp cho em M trình bày, không yêu cầu bồi thường thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.300.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu bồi thường gì thêm

Bị cáo V nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và áp dụng điều luật: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/6/2019, tại Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thành V lợi dụng hoàn cảnh không có khả năng ngăn cản của người được giao quản lý tài sản là cháu Nguyễn Xuân M để chiếm đoạt xe mô tô biển số 70K1-069.21, theo kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG, ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh kết luận: Vào thời điểm

ngày 09/6/2019 xe mô tô có giá trị 6.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thành V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về tính chất vụ án: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân của bị cáo là người đã thành niên, bị cáo biết chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm tội. Hành vi bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự trị an nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- + Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo V có một tiền án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, **phạm tội đối với trẻ em** là tình tiết tăng nặng này được quy định tại điểm h, i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- + Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V là tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm **s** Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo V là có căn cứ. Bởi lẽ, bị cáo có một tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo V không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận đại diện bị hại đã nhận lại xe mô tô xong không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ông Phạm Văn V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.300.000 đồng là có căn cứ, buộc bị cáo bồi thường cho ông V.

[7] Về án phí: Bị cáo V phải chịu tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành V phạm tội: “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 172; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h, i Khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 - 6 - 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự .

- Ghi nhận đại diện bị hại ông Trương Văn H đã nhận lại xe mô tô biển số 70K1-069.21 xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Buộc bị cáo bồi thường cho ông Phạm Văn V số tiền 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo V chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên cho ông V thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho ông V số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 500.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo V, ông H, bà T, ông V biết được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho cháu M biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh TN (1b);
- Phòng PV 06 (1b);
- VKSND huyện B (1b);
- Công an huyện B (2b);
- Chi cục THA huyện B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người CQL,NVLQ (2b);
- Hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu./.

NGUYỄN HOÀNG MAI

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Đoàn

